

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3854/2022/DS-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Bé

2. Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử B - Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 436/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5675/2022/QĐXXST-DS ngày 16/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6409/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Tầng 1,2 Tòa nhà S, phường B, Quận W, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hồng P

Địa chỉ: Tòa nhà P, phường 25, Quận B, Thành phố H

(Văn bản ủy quyền ngày 16/02/2022)

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1978

Bà Hồ Thị C, sinh năm 1987

Địa chỉ: đường Q, khu phố T, phường L, thành phố T, Thành phố H

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Hồng P có mặt; bị đơn ông Phạm Ngọc H có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Hồ Thị C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 29/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Hồng P trình bày:

Ngày 30/07/2020, Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Ngân hàng Q) - Chi nhánh Q - Phòng giao dịch Quận T ký với bà Hồ Thị C và ông Phạm Ngọc H Hợp đồng tín dụng số 1455724.20 ngày 30/07/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/7/2020 với nội dung: Ngân hàng Q cho bà Hồ Thị C và ông Phạm Ngọc H vay số tiền 630.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: vay mua 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CIVIC, Biển kiểm soát: 51H-770.90, mục đích sử dụng: tiêu dùng; Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 31/07/2020 đến ngày 30/07/2025; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.4%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Q tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4.1%/năm; Hoàn trả gốc vay: Hàng tháng vào ngày 30, mỗi tháng trả 10.500.000 đồng, tháng cuối trả hết số tiền còn lại. Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 30, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 30/08/2020. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 30/07/2020, Ngân hàng Q đã giải ngân cho bà Hồ Thị C và ông Phạm Ngọc H theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 2193268.20 ngày 30/07/2020 với số tiền 630.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hồ Thị C và ông Phạm Ngọc H đã thanh toán cho Ngân hàng Q được số tiền là 274.731.701 đồng (gốc: 189.000.000 đồng, lãi: 85.731.701 đồng). Kể từ ngày 07/02/2022 đến ngày 28/02/2022, bà Hồ Thị C và ông Phạm Ngọc H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy Ngân hàng Q đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn tính từ ngày 28/02/2022.

Nay Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị C và ông Phạm Ngọc H trả ngay cho Ngân hàng Q số tiền tính đến ngày 29/09/2022 là: 493.190.834 đồng, trong đó nợ gốc là: 441.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.165.528 đồng, nợ lãi quá hạn là: 49.025.305 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà Hồ Thị C và ông Phạm Ngọc H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 1455724.20 ngày 30/07/2020 và Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng Q.

Bị đơn ông Phạm Ngọc H trình bày: ông Phạm Ngọc H xác định là có vay của Ngân hàng Q số tiền 630.000.000 đồng như Ngân hàng trình bày và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q nhưng đề nghị cho ông Hiền thanh toán số tiền còn nợ khi nào ông Hiền có khả năng thanh toán (do hiện nay ông Hiền đang bị tạm giam ở Công an thành phố D, tỉnh B về tội cướp tài sản).

Bị đơn bà Hồ Thị C dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý

kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Hồ Thị C và ông Phạm Ngọc H trả ngay cho Ngân hàng Q số tiền tính đến ngày 29/09/2022 là: 493.190.834 đồng, trong đó nợ gốc là: 441.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.165.528 đồng, nợ lãi quá hạn là: 49.025.305 đồng.

Bị đơn ông Phạm Ngọc H có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Hồ Thị C vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự, người đại diện ủy quyền có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, văn bản ủy quyền đúng quy định pháp luật.

+ Về giải quyết nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Hồ Thị C và ông Phạm Ngọc H trả ngay cho Ngân hàng Q số tiền tính đến ngày 29/09/2022 là: 493.190.834 đồng, trong đó nợ gốc là: 441.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.165.528 đồng, nợ lãi quá hạn là: 49.025.305 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc H và bà Hồ Thị C (thường trú tại phường L, thành phố T, Thành phố H) trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Phạm Ngọc H có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H. Bà Hồ Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1455724.20 ngày 30/07/2020 được ký giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Phạm Ngọc H và bà Hồ Thị C; Khế ước nhận nợ ngày 30/7/2020; Bảng chi tiết tính lãi; lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đủ cơ sở kết luận: quan hệ vay tài sản giữa Ngân hàng Q với ông Phạm Ngọc H và bà Hồ Thị C là có thật và hợp pháp. Các bên thỏa thuận ông Hiền và bà Va trả số tiền gốc vay: Hàng tháng vào ngày 30, mỗi tháng trả 10.500.000 đồng, tháng cuối trả hết số tiền còn lại. Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 30, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 30/08/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà V đã thanh toán cho Ngân hàng Q được số tiền là 274.731.701 đồng (gốc: 189.000.000 đồng, lãi: 85.731.701 đồng). Từ ngày 28/02/2022 đến nay, ông H và bà V không thanh toán tiếp cho Ngân hàng là vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1455724.20 ngày 30/07/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/7/2020.

Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn:

Theo điểm g khoản 1.4 Điều 1 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và mục 6 của Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/7/2020 đã ký giữa Ngân hàng với ông H và bà V có nội dung: *Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.4%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Q tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4.1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.*

Xét việc tính lãi trong hạn và quá hạn đến ngày 29/9/2022 của Ngân hàng đối với Hợp đồng tín dụng của ông Phạm Ngọc H và bà Hồ Thị C là chính xác và đúng quy định pháp luật. Do đó, ông Phạm Ngọc H và bà Hồ Thị C phải trả khoản lãi trong hạn tính đến ngày 29/9/2022 là 3.165.528 đồng, nợ lãi quá hạn là: 49.025.305 đồng cho Ngân hàng.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Quốc tế, buộc ông Phạm Ngọc H và bà Hồ Thị C thanh toán một lần số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2022 là 493.190.834 đồng (trong đó nợ gốc là: 441.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.165.528 đồng, nợ lãi quá hạn là: 49.025.305 đồng) ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Phạm Ngọc H và bà Hồ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 23.727.633 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH/Q3 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn ông Phạm Ngọc H và bà Hồ Thị C.

Buộc ông Phạm Ngọc H và bà Hồ Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1455724.20 ngày 30/07/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/7/2020 là 493.190.834 đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu một trăm chín mươi ngàn tám trăm ba mươi bốn đồng); trong đó nợ gốc là: 441.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi một triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 3.165.528 đồng (ba triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm hai mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là: 49.025.305 đồng (bốn mươi chín triệu không trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm lẻ năm đồng).

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2022), ông Phạm Ngọc H và bà Hồ Thị C còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1455724.20 ngày 30/07/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này cho Ngân hàng TMCP Q.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 23.727.633 đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi ba đồng) ông Phạm Ngọc H và bà Hồ Thị C phải chịu và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.355.430 đồng (mười một triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0027134 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSNDQ TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Minh Hiếu